TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS-ST
Ngày 19 tháng 3 năm 2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoa**

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Phạm Ngọc Nguyên**

2/ Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Xuân Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Mỹ Duyên** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2016/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2016 về "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐST-DS, ngày 29/01/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1945.

+ Địa chỉ: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

***- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị K*:** Luật sư Huỳnh Hồng D - Trưởng Văn phòng Luật sư Huỳnh Hồng D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Có mặt.

2/ Bị đơn: 2.1/ Bà Đỗ Thị S, sinh năm 1957.

2.2/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971.

+ Cùng địa chỉ: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đàm Thị B, sinh năm 1949.

+ Địa chỉ: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị K trình bày:***

Xuất phát từ quan hệ quen biết giữa những người cùng đạo và quen biết giữa 2 gia

đình, nên bà có cho bà C vay tiền nhiều lần. Mỗi lần vay từ 5.000.000đ, 10.000.000đ hoặc nhiều hơn, tùy theo nhu cầu sử dụng của bà C. Khi vay không thỏa thuận lãi suất, bà C chỉ nói sẽ gửi bà tiền chợ. Mỗi lần nhận tiền vay, bà C có ghi sổ theo dõi của bà. Việc vay nợ được xác lập từ năm 2015 đến khi bà C chốt nợ theo Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 do bà Nguyễn Thị C ký tên, viết họ tên và lăn tay với số tiền là 893.000.000đ. Ngoài ra, bà C có vay của bà 4 lần với số tiền 45.000.000đ, từng lần nhận tiền bà C đều có ký tên, ghi họ tên trong giấy nợ do bà cung cấp cho Tòa án ngày 19/4/2017. Từ khi vay đến nay bà C không trả được khoản lãi nào.

Bà nhiều lần yêu cầu bà C trả nợ, bà C hứa hẹn nhưng vẫn không thực hiện. Do bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu bà C trả vốn vay 938.000.000đ (893.000.000đ + 45.000.000đ). Đối với khoản nợ 893.000.000đ bà yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, kể từ ngày 06/01/2016 đến khi xét xử. Riêng khoản nợ 45.000.000đ bà chỉ yêu cầu bà C trả vốn, không yêu cầu tính lãi.

Trước đây bà khởi kiện đối với bà S và bà C, yêu cầu bà S và bà C liên đới trả nợ cho bà. Nhưng nay bà xác định chỉ khởi kiện đối với bà C, không kiện bà S, vì bà S không nhận tiền và cũng không ký tên trong biên nhận nợ.

Bà vẫn giữ ý kiến như đã trình bày trên không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác hoặc trình bày bổ sung.

**** Theo vbản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:***

Vì cần tiền lo cho gia đình và sửa lại nhà nên bà hỏi vay tiền của bà K nhiều lần, lần đầu vay 5.000.000đ đóng lời mỗi ngày 250.000đ đóng được 3 tháng là 22.500.000đ. Sau đó bà mượn thêm 2 lần, một lần 2.000.000đ và một lần 3.000.000đ. Tổng cộng bà mượn của bà K 10.000.000đ. Những lần mượn tiền bà đều có ghi sổ theo dõi của bà K. Bà có nói với bà K cho bà góp vốn nhưng bà K không đồng ý. Các biên nhận bà K cung cấp cho Tòa án là tiền lãi, không phải tiền vốn. Bà thừa nhận các biên nhận do bà K cung cấp là do bà viết, ký tên và lăn tay, nên bà không yêu cầu Trưng cầu Giám định chữ ký, chữ viết tại các biên nhận bà K cung cấp.

Lý do bà ký tên, lăn tay vào Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 là do bà K nói "con ơi ký gấp để mấy con của dì biết dì cho tiền góp sẽ la dì". Tôi nghe vậy nên ký tên gấp vì không muốn con cái trong gia đình bà K la bà K. Bà xác định bà biết chữ, biết viết nhưng khi bà K đưa tờ giấy và kêu bà ký tên gấp thì bà không đọc nên không biết nội dung. Sau này khi bà K khởi kiện tại Tòa án thì bà mới biết đó là Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016.

Đối với dấu gạch thập chỗ ghi tên bà Đỗ Thị S là do bà gạch theo yêu cầu của bà K. Đối với Tờ giấy do bà K cung cấp ngày 19/4/2017 có nội dung bà mượn thêm của bà K 4 lần là 45.000.000đ. Bà thừa nhận bút tích tại Tờ giấy ngày 19/4/2017 là do bà ghi, nhưng thực tế là bà vay tiền góp của bà K do bà không trả góp đúng hạn nên bà K yêu cầu bà ghi, nếu không sẽ báo lại chồng bà. Do sợ chồng đánh, nên bà đồng ý ghi và ký tên, thực tế bà không nhận 45.000.000đ của bà K.

Theo Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 bà thừa nhận có bảo lãnh nợ cho ông Đỗ Văn Minh và bà Đỗ Thị Hòa, đối với bà Đỗ Thị Yến vay nợ bà K thì bà không biết. Tại biên bản đối chất ngày 16/11/2016 bà có yêu cầu Tòa án triệu tập những người làm chứng là ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Hòa và bà Đỗ Thị Yến để trình bày rõ việc vay nợ giữa bà và bà K. Nhưng sau đó bà xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập lấy lời khai người làm chứng ông Đỗ Văn Minh, bà Đỗ Thị Hòa và bà Đỗ Thị Yến.

Tại phiên tòa bà vẫn xác nhận có ký tên, viết họ tên và lăn tay vào Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 do bà K cung cấp, bà không yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ và triệu tập thêm người nào khác tham gia tố tụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K yêu cầu bà trả 938.000.000đ, về khoản nợ 893.000.000đ bà K yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ ngày 06/01/2016 đến khi xét xử, không tính lãi đối với khoản nợ 45.000.000đ thì bà không đồng ý. Bà thừa nhận và đồng ý trả bà K 10.000.000đ.

Việc bà K rút yêu cầu khởi kiện đối với bà S thì bà đồng ý, vì thực tế bà S không nhận tiền, không ký tên và cũng không liên quan gì trong việc vay nợ của bà K.

Bà vẫn giữ ý kiến như đã trình bày trên, không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác hoặc trình bày bổ sung.

**** Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị S trình bày:***

Bà xác định bà không vay mượn tiền của bà K. Hàng ngày bà làm thuê ở quán nướng, cuộc sống đủ chi tiêu và trang trải trong gia đình. Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 do bà K cung cấp cho Tòa án là giả mạo, do bà K tự làm, ép buộc con dâu bà là Nguyễn Thị C ký tên. Bà biết chữ, biết đọc, biết viết nên không có chuyện gạch thập. Bà cũng không mượn tiền cho Đỗ Văn Minh, Đỗ Thị Hòa và Đỗ Thị Yến.

Bà vẫn giữ ý kiến như đã trình bày trên, không cung cấp chứng cứ, tài liệu nào khác hoặc trình bày bổ sung.

**** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 28/12/2016 của bà Đàm Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Việc bà K khởi kiện yêu cầu bà C có thanh toán 947.497.250đ, trong đó vốn vay 938.000.000đ và tiền lãi tính đến tháng 10 năm 2016 là 9.497.250đ không liên quan đến bà.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS. Các văn bản tố tụng được tống đạt cho đương sự đúng quy định tại Điều 170, 171, 177 BLTTDS. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo theo quy định pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 75, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K và Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà S có nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi đối với số tiền 45.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng bà Đàm Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Đàm Thị B.

[2] **Về nội dung:** Bà K khởi kiện yêu cầu bà C trả vốn vay 938.000.000đ (893.000.000đ + 45.000.000đ). Đối với khoản nợ 893.000.000đ, bà yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, kể từ ngày 06/01/2016 đến khi xét xử. Riêng khoản nợ 45.000.000đ bà yêu cầu bà C trả vốn, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 và bản chính Tờ giấy bà C mượn nhiều lần do bà K cung cấp ngày 19/4/2017.

[3] Bà C thừa nhận có vay tiền của bà K, tuy nhiên số tiền vay chỉ có 10.000.000đ không phải vay và nợ 938.000.000đ như bà K trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K bà không thống nhất, bà đồng ý trả 10.000.000đ là số tiền bà có vay.

[4] Tại phiên tòa bà C cho rằng bà chỉ bảo lãnh nợ cho ông Minh, bà Hòa. Bà không biết và không lãnh nợ cho bà Yến. Nhưng bà xác định bà có ký tên, viết họ tên và lăn tay vào Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 và Giấy thể hiện bà mượn nhiều lần do bà K cung cấp ngày 19/4/2017. Lý do bà ghi, ký tên và lăn tay là thực hiện theo yêu cầu của bà K, vì không muốn các con bà K la bà K. Bà xác định không yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung chứng cứ và triệu tập thêm người nào khác tham gia tố tụng để chứng minh bà không có nợ như yêu cầu khởi kiện của bà K.

[5] Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào bản chính Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 và bản chính Tờ giấy bà C mượn nhiều lần do bà K cung cấp ngày 19/4/2017 để yêu cầu bà C trả 938.000.000đ. Bà C thừa nhận có vay tiền của bà K, tuy nhiên số tiền vay chỉ 10.000.000đ không phải vay và nợ 938.000.000đ như bà K trình bày. Ngoài lời trình bày bà C không có chứng cứ nào khác để chứng minh bà vay bà K chỉ có 10.000.000đ cũng như không chứng minh được việc bà có đóng lãi cho bà K với lãi suất cao như bà C trình bày. Mặt khác, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà C đều khẳng định chữ ký, chữ viết và dấu lăn tay tại Giấy mượn nợ ngày 06/01/2016 và tờ Giấy thể hiện bà mượn nhiều lần do bà K

cung cấp ngày 19/4/2017 là của bà và bà cũng không chứng minh được việc bà ghi, ký tên và lăn tay vào các giấy nợ trên là bị ép buộc hoặc vì lý do bất khả kháng nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào bản chính các biên nhận nợ trên để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K đối với bà Nguyễn Thị C.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi của bà K, xét thấy, do bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ khi viết biên nhận đến nay là thiệt thòi quyền lợi cho bà K, nên bà K yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Về lãi suất, tại phiên tòa bà K yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm (0,75%/tháng) trên nợ vốn 893.000.000đ, kể từ ngày 06/01/2016 đến khi xét xử, yêu cầu này phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Do đó tiền lãi được tính như sau, từ ngày 06/01/2016 đến ngày xét xử là ngày 15/3/2018 là 26 tháng 09 ngày (tính tròn 26 tháng).

Vậy: 893.000.000đ x 26 tháng x 0,75%/tháng = 174.135.000đ.

Cộng tiền vốn và tiền lãi bà C phải thanh toán cho bà K là 1.112.135.000đ (938.000.000đ + 174.135.000đ).

[7] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà K rút yêu cầu khởi kiện đối với bà S và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 45.000.000đ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử đối với phần đương sự đã rút.

* **Về án phí:** Căn cứ Điều 5; khoản 2, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà C có nghĩa vụ chịu 45.364.000đ án phí.

Bà K được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 244; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471; Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật dân sự;

- Điều 5; khoản 2, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K đối với bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Nguyễn Thị C chịu trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị K 1.112.135.000đ (Một tỷ, một trăm mười hai triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K đối với bà Đỗ Thị S và Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền 45.000.000đ.

- <u>Về án phí</u>:

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 45.364.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị K được nhận lại 10.200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010301, ngày 10/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Long Xuyên.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***<u>Nơi gởi</u>*:**
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nguyễn Thị Hoa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa